TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2023/DS-PT
Ngày 27 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ, bà Dương Thuý Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; cư trú tại: Số A, Đường Đ, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lê P, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1960; cư trú tại: khu phố D, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 16/12/2022), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông B có cho ông P, bà L vay tiền nhiều lần, ông không nhớ rõ cụ thể việc vay tiền từng lần như thế nào nhưng sau đó hai bên có chốt nợ với nhau. Ông P,

bà L có hai lần chốt nợ cụ thể như sau:

+ Ngày 01/7/2018, ông P, bà L xác nhận vay của ông B số tiền tổng cộng 500.000.000 đồng, cam kết trả vào ngày 31/12/2018 nhưng đến nay chưa trả. Việc cho vay tiền có thỏa thuận ông P, bà L có tiền lãi nhiêu thì đưa cho ông B, không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất, ông B có nhận được một khoản tiền lãi nhưng số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ vì tiền này ông B vay của người khác (nhiều người, nhiều lần) để cho vợ chồng P, L vay lại nên khi P, L trả tiền lãi thì ông B trả cho người khác. Đối với khoản tiền này ông P, bà L chưa thanh toán khoản tiền gốc nào cho ông B.

+ Ngày 01/7/2020, ông P, bà L xác nhận vay ông B số tiền 150.000.000 đồng, cam kết trả vào ngày 31/03/2022. Việc cho vay tiền không tính lãi. Đối với khoản nợ này sau khi vay tiền, vợ chồng P, L có trả cho ông B được số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng ông P, bà L còn nợ ông B số tiền nợ gốc còn lại là 600.000.000 đồng.

Nay ông B yêu cầu ông P, bà L cùng có trách nhiệm trả cho ông B số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tiền lãi ông B yêu cầu cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền nợ 500.000.000 đồng: Ông B chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/07/2020 đến ngày 01/01/2023 là 30 tháng x 0.83%/tháng x 500.000.000 đồng = 124.500.000 đồng.

+ Đối với số tiền nợ 100.000.000 đồng: Ông B yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/01/2023 là 09 tháng x 0.83%/tháng x 100.000.000 đồng = 7.470.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 131.970.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng ông B yêu cầu vợ chồng ông P, bà L trả cho ông B số tiền là 731.970.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 131.970.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Lê P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023, bị đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vợ chồng ông bà có vay tiền của ông B, vay tiền nhiều lần rồi cũng có trả tiền nhiều lần. Việc trả tiền do ông P giao dịch với ông B. Bà L xác nhận vợ chồng bà còn nợ ông B số tiền 600.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà đồng ý trả nợ cho ông B nhưng do làm ăn khó khăn nên xin trả dần, về việc ông B yêu cầu trả tiền lãi bà L không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023

của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với ông Nguyễn Lê P, bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Lê P, bà Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền là 731.970.000 đồng *(Bảy trăm ba mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng)*, trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, tiền nợ lãi là 131.970.000 đồng *(Một trăm ba mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng)*.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27-3-2023, bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử tính lại tiền lãi ông bà đã trả cho ông P 99.000.000 đồng, còn lại 25.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn cung cấp thêm chứng cứ mới là Bản kê chi tiết chuyển khoản tại ngân hàng của ông P, bản chụp màn hình điện thoại tin nhắn giữa ông B, ông P và bổ sung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét khấu trừ tiền lãi ông P, bà L đã trả cho ông B tổng cộng 182.715.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, ông B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về tiền lãi, thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, bị đơn, bà L xác định đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vợ chồng bà còn nợ tiền gốc và xin trả dần, việc trả tiền do chồng bà là ông P giao dịch với ông B. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn, ông P không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào cáo tài liệu có trong hồ sơ để xét xử là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp chứng cứ cho rằng đã trả tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 01-7-2018 cho ông B với số tiền 182.715.000 đồng yêu cầu được khấu trừ, lý do nộp chứng cứ chậm là đi làm xa không có thời gian đến Tòa án.

Xét thấy lý do bị đơn nộp chứng cứ chậm là không chính đáng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, nguyên đơn ông B cũng không có mặt tại phiên tòa nên không thể xác định được số tiền chuyển khoản theo Bản kê chi tiết chuyển khoản của ông P cung cấp có phải là tiền lãi của số tiền vay mà ông B khởi kiện trong vụ án này hay không, thông tin chuyển khoản cũng không ghi rõ nội dung chuyển tiền.

Tuy nhiên, xét kháng cáo của bị đơn, nhận thấy: Ngày hai bên xác nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng là 01/7/2018, tiền lãi theo quy định tính từ ngày 01-7-

2018 đến ngày 01-3-2023 là 55 tháng x 0,83% = 228.250.000 đồng, ông B yêu cầu tính lãi từ ngày 01-7-2020 đến ngày 01-01-2023 là 30 tháng x 0,83%/tháng x 500.000.000 đồng = 124.500.000 đồng. Hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn, ông P, bà L phải trả lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và đến khi trả nợ xong, đồng thời phải chịu lãi quá hạn bằng 1,66%/tháng, tuy nhiên ông P chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 01-01-2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là đã có lợi cho ông P, bà L. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, bà L.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, ông Nguyễn Lê P, bà Nguyễn Thị L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với ông Nguyễn Lê P, bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Lê P, bà Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền là 731.970.000 đồng *(Bảy trăm ba mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng)*, trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, tiền nợ lãi là 131.970.000 đồng *(Một trăm ba mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Lê P, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.279.000 đồng *(Ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng *(Mười bốn triệu đồng)* theo Biên lai thu số 0001542 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Lê P, bà Nguyễn Thị L phải chịu mỗi người 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp mỗi người 300.000 đồng tại biên lai số 0001893, 0001892 ngày 29-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông P, bà L đã nộp đủ án phí phúc thẩm dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai